

Bản án số: 35/2022/HS-ST

Ngày: 26/5/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thanh Giang**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Bùi Thị Thúy** và bà **Nguyễn Thị Lan**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Anh** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Hóa**- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 24/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/HSST - QĐ ngày 22/4/2022; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 01/TB - TA ngày 05/5/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/HSST - QĐ ngày 18/5/2022; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 02/TB - TA ngày 23/5/2022 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN VĂN P, sinh năm 1970 tại huyện G, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn C, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Nguyễn Chính T1) và bà Vũ Thị L; có vợ là Nguyễn Thị H và có 03 con lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân;

- Ngày 01/7/2005 Tòa phúc thẩm tại Hà Nội - Tòa án nhân dân tối C1 xử phạt 24 tháng tù về tội: Cướp tài sản. Ngày 30/8/2006 chấp hành xong bản án. Đã được xóa án tích.

- Ngày 10/8/2011 Công an huyện Gia Lộc ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: Đánh bạc. Ngày 12/8/2011 chấp hành xong quyết định. Đã được xóa.

- Ngày 22/7/2016 Ủy ban nhân dân huyện Gia Lộc ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: Đánh bạc. Ngày 25/7/2016 chấp hành xong quyết định. Đã được xóa.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/12/2021 đến ngày 23/12/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt

2. NGUYỄN VĂN TH, sinh năm 1973 tại huyện G, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn C, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Nguyễn Chính T1) và bà Vũ Thị L; có vợ là Vũ Thị N và có 03 con lớn sinh năm 1997 nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 23/7/2016 Công an huyện Gia Lộc ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 71/QĐ-XPHC đối với Nguyễn Văn Th về hành vi: Đánh bạc. Ngày 25/7/2016 Th chấp hành xong quyết định. Đã được xóa.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/12/2021 đến ngày 23/12/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. NGUYỄN VĂN C, sinh năm 1981 tại Đ, tỉnh Quảng Ninh. Nơi ĐKKHKT: Tổ 1, khu K, phường K, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện nay: Thôn C, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2 và bà Trịnh Thị P1; có vợ Hoàng Thị N1 và có 02 con lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 24/10/2006 của Tòa phúc thẩm tại Hà Nội- Tòa án nhân dân tối C1 xử phạt 21 tháng tù về tội: Cướp giật tài sản. Ngày 26/01/2008 chấp hành xong bản án. Đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/12/2021 đến ngày 23/12/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. NGUYỄN VĂN V, sinh năm 1972 tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá L3 và bà Lê Thị K; có vợ là Lương Thị H2 và có 03 con lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/12/2021 đến ngày 23/12/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. LÊ VĂN C1, sinh năm 1978 tại huyện G, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ và bà Phạm Thị T6; có vợ là Nguyễn Thị T8 và có 03 con lớn sinh

năm 2002, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/12/2021 đến ngày 23/12/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

6. NGUYỄN VĂN X, sinh năm 1971 tại huyện G, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K5 và bà Nguyễn Thị Đ1; có vợ là Nguyễn Thị H3 và có 03 con lớn sinh năm 1994 nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 01/7/2005 của Tòa phúc thẩm tại Hà Nội- Tòa án nhân dân tối C1 xử phạt X 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội: Cướp tài sản. Đã chấp hành xong bản án. Đã được xóa án tích.

- Ngày 23/7/2016 Công an huyện Gia Lộc ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: Đánh bạc. Ngày 25/7/2016 chấp hành xong quyết định. Đã được xóa.

- Ngày 17/10/2017 Công an huyện Gia Lộc ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: Đánh bạc. Ngày 18/10/2017 chấp hành xong quyết định. Đã được xóa.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/12/2021 đến ngày 23/12/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

7. NGUYỄN VĂN TR, sinh năm 1979 tại huyện G, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn C, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang C4 và bà Nguyễn Thị B; có vợ là Võ Thị H5 và có 02 con lớn sinh năm 2004 nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/12/2021 đến ngày 23/12/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 20/12/2021 Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Văn C, Lê Văn C1, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn X và Nguyễn Văn V lần lượt đi bộ đến nhà Nguyễn Văn P ở thôn C, xã G, huyện G ngồi chơi, uống nước. Khoảng hơn 20 giờ cùng ngày trong khi ngồi chơi, P rủ mọi người đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức “đánh liêng”. Khi đó C1 nói “*Muốn nhanh thì đánh xóc đĩa còn nghĩ sớm*”. Tất cả đều đồng ý và thống nhất đánh bạc bằng hình thức đánh “xóc đĩa” tại nhà P. Tr lấy vỏ bao thuốc lá Vinataba trên bàn và dùng chiếc kéo cắt 04 quân vị hình tròn có 01 mặt màu vàng và 01 mặt màu trắng. P lấy trong nhà ra 01 chiếc bát sứ và 01 chiếc đĩa sứ hình tròn để làm công cụ đánh bạc. Sau

khi chuẩn bị xong, cả 07 người gồm P, Tr, C, C1, Th, X và V cùng ngồi xuống chiếu cói đang trải sẵn dưới nền nhà phòng bếp nhà P để đánh bạc. Th là người cầm cái từ đầu cho đến khi bị phát hiện bắt giữ. Đến 21 giờ 30 phút cùng ngày, lực lượng Công an huyện Gia Lộc phối hợp với Công an xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc đã phát hiện, bắt quả tang các đối tượng đang đánh bạc. Thu giữ trên chiếu bạc 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn cắt từ vỏ bao thuốc lá Vinataba và số tiền 14.600.000 đồng (*Mười bốn triệu sáu trăm nghìn đồng*) các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

Cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 24/02/2022, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn V, Lê Văn C1, Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn Tr, về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên toà: Đại diện VKSND huyện Gia Lộc giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:

- Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; điều 58 Bộ luật Hình sự đối với 07 bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn V, Lê Văn C1, Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn Tr; điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Th, V, C1, Tr; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo X, Tr, P, Th, C; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo P, Th, C1; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo C, V, X, Tr.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn V, Lê Văn C1, Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn Tr phạm tội: Đánh bạc.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 13 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 26 đến 30 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th từ 12 đến 14 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 28 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Xử phạt bị cáo Lê Văn C1 từ 12 đến 14 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 28 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Giao bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn Th cho UBND xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương, bị cáo Lê Văn C1 cho UBND xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương, nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ (được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ). Thời hạn tính từ ngày UBND xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành

án và bản sao bản án. Bị cáo bị khấu trừ từ 05% đến 10% thu nhập hàng tháng sung quỹ Nhà nước, thời hạn khấu trừ bằng thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ (được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ). Thời hạn tính từ ngày UBND xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Bị cáo bị khấu trừ từ 05% đến 10% thu nhập hàng tháng sung quỹ Nhà nước, thời hạn khấu trừ bằng thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn X từ 13 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ (được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ). Thời hạn tính từ ngày UBND xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Bị cáo bị khấu trừ từ 05% đến 10% thu nhập hàng tháng sung quỹ Nhà nước, thời hạn khấu trừ bằng thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tr từ 13 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ (được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ). Thời hạn tính từ ngày UBND xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Bị cáo bị khấu trừ từ 05% đến 10% thu nhập hàng tháng sung quỹ Nhà nước, thời hạn khấu trừ bằng thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn Tr cho UBND xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương, bị cáo Nguyễn Văn V cho UBND xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo;

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 04 quân vị, 01 đĩa sứ, 01 bát sứ. Tịch thu nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 14.600.000 đồng.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Văn C, Lê Văn C1, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm hình sự.

Các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, xác định Quyết định truy tố, luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc đối với

các bị cáo là đúng và nói lời sau cùng đề nghị Toà án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện được xác định là hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ hơn 20 giờ 00 phút đến 21 giờ 30 phút ngày 20/12/2021, tại nhà ở của Nguyễn Văn P ở thôn C, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương, P cùng các bị cáo Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn V, Lê Văn C1, Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn Tr đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức “xóc đĩa” đến 21 giờ 30 phút cùng ngày các bị cáo bị lực lượng Công an huyện Gia Lộc phối hợp cùng Công an xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm: 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn được cắt từ vỏ bao thuốc lá và số tiền 14.600.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

[3] Các bị cáo tham gia đánh bạc đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn thu lợi bất chính các bị cáo vẫn cố ý cùng nhau thực hiện, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 điều 321 BLHS. Như vậy, Quyết định truy tố của VKSND huyện Gia Lộc đối với các bị cáo là có căn cứ.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự an toàn công cộng, nếp sống văn minh của xã hội. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội, từ việc đánh bạc có thể dẫn đến nhiều hành vi vi phạm pháp luật khác nên cần thiết phải áp dụng một hình phạt nghiêm đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Vai trò, tính chất, mức độ hành vi của từng bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn vì các bị cáo chỉ nhất thời phạm tội, không có sự cấu kết, tổ chức chặt chẽ; trong vụ án này bị cáo P là người đề xuất việc đánh bạc, chuẩn bị bát, đĩa và sử dụng nhà của mình cho các bị cáo đánh bạc, khi tham gia đánh bạc có

số tiền 4.000.000đồng nên giữ vai trò chính của vụ án. Bị cáo Th là người cầm cái từ đầu đến khi bị bắt, khi tham gia đánh bạc có số tiền là 2.200.000đồng, bị cáo C1 có 1.200.000đồng nhưng là người đề xuất hình thức đánh bạc nên bị cáo Th, C1 giữ vai trò thứ 2. Bị cáo C khi tham gia đánh bạc có số tiền 3.200.000đồng, V có 3.000.000đ nên cùng giữ vai trò thứ 3; bị cáo Tr có 300.000 đồng và là người cầm kéo cắt quân bài, chuẩn bị công cụ đánh bạc, bị cáo X có 500.000đồng nên đều đứng vị trí cuối.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo nên tất cả các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo Th, V, C1, Tr phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Nguyễn Văn C được Chủ tịch UBND xã Đại Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tặng giấy khen đã có thành tích trong phong trào phòng chống dịch bệnh Covid – 19; bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn Th có bố đẻ là ông Nguyễn Chính T1 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo Nguyễn Văn Tr có bố đẻ là Nguyễn Quang C4 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, bị cáo X có bố là Nguyễn Văn K5 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì nên các bị cáo P, Th, X, Tr, C được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[8] Nhân thân các bị cáo: Bị cáo P, C, X đã từng bị kết án, bị cáo P, X đã bị xử phạt vi phạm hành chính tuy nhiên đã được xóa, tính đến ngày phạm tội đã được coi là không có tiền án, tiền sự theo quy định. Bị cáo Th đã chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính, đã được xóa và được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định. Các bị cáo V, C1, Tr lần đầu phạm tội.

[9] Các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết cách ly các bị cáo mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

[10] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là người lao động tự do, mức thu nhập thấp nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[11] Về vật chứng vụ án: Số tiền 14.600.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; đối với 01 đĩa sù, 01 bát sù, 04 quân bài vị hình tròn cắt từ vỏ bao thuốc lá là công cụ phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

[12] Về án phí: Các bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 58; điểm khoản 1 Điều 51; các điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; các điểm a, b, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331; Điều 333 BLTTHS. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn V, Lê Văn C1, Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn Tr.

Căn cứ khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn P.

Căn cứ điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn Th.

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 BLHS đối với bị cáo Lê Văn C1.

Căn cứ khoản 2, Điều 51; Điều 36 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn C.

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 36 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn V.

Căn cứ điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn Tr.

Căn cứ khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn X.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn V, Lê Văn C1, Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn Tr phạm tội "Đánh bạc".

2. Hình phạt chính:

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn P 13 (mười ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 26 (hai mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn Th 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo: Lê Văn C1 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn Th cho UBND xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Giao bị cáo Lê Văn C1 cho UBND xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Các bị cáo P, Th, C1 thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn C 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ tính bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 21(hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt, kể từ ngày UBND xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 05% thu nhập trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn V 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ tính bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 21(hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt, kể từ ngày UBND xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 05% thu nhập trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn Tr 13(mười ba) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ tính bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành 12 (mười hai) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt, kể từ ngày UBND xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 05% thu nhập trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn X 13(mười ba) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ tính bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành 12 (mười hai) tháng 21(hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt, kể từ ngày UBND xã G nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 05% thu nhập trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ Nhà nước.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn Tr cho UBND xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương, bị cáo Nguyễn Văn V cho UBND xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

3. Về vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 14.600.000đ (Mười bốn triệu sáu trăm nghìn đồng). Tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân bài vị hình tròn cắt từ vỏ bao thuốc lá Vinataba. (Đặc điểm vật

chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Gia Lộc và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc ngày 02/3/2022).

4. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn V, Lê Văn C1, Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn Tr mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan điều tra, Công an huyện Gia Lộc;
- Cơ quan Thi hành án hình sự, Công an huyện Gia Lộc;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ, Công an huyện Gia Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Giang